

Số: 1026 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 107/TTr-SKHĐT ngày 16/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; các phòng, đơn vị;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ánh Dương

KẾ HOẠCH

Hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2022
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030; UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 của tỉnh nhằm cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng, những giải pháp thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030. Tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong nhận thức và hành động của các cấp chính quyền, đoàn thể và Nhân dân góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia.

- Đề ra được các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của tỉnh nhằm thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch hành động TTX của tỉnh phải phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng của Chiến lược và Kế hoạch quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030.

- Đề ra được bước đi cụ thể, lựa chọn những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của từng địa phương, từng cấp, từng ngành và xây dựng được những giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh cho các cấp, các ngành; Rà soát các quy định của tỉnh nhằm sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và lồng ghép các nội dung về tăng trưởng xanh vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhằm tạo bước đột phá trong phát triển của địa

phương để hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, gắn với mục tiêu xanh hóa sản xuất, xanh hóa lối sống.

- Kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn; bên cạnh các nỗ lực thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất chủ lực, hình thành các cụm liên kết ngành, việc nâng cao sức cạnh tranh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH trở thành nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển. Cụ thể là:

+ *Về kinh tế*, việc thúc đẩy phát triển các cụm ngành kinh tế đòi hỏi phải được thực hiện trong sự phối hợp chặt chẽ với các hoạt động TTX, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Các hoạt động kinh tế cần được chuyển đổi theo hướng xanh, giảm phát thải KNK, hướng tới thực hiện mục tiêu PTR0.

+ *Về xã hội*, các nỗ lực cần được tập trung cho các hoạt động tạo việc làm bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tạo sự ổn định về quy mô và nâng cao chất lượng dân số; PTBV các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, vùng và địa phương.

+ *Về quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với BĐKH*, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ diện tích rừng; giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị lớn và KCN; đảm bảo có cơ chế quản lý hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải. Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan vào bảo vệ môi trường và thực hiện TTX.

+ *Hoàn thiện khung thể chế cho TTX*: Trong giai đoạn tới, để thúc đẩy việc thực hiện TTX, hệ thống thể chế, chính sách về TTX phải được hoàn thiện theo hướng lồng ghép các mục tiêu TTX vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh và của các ngành, địa phương; đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về TTX, đào tạo và tăng cường năng lực quản lý TTX cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng dân cư.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Kế thừa những kết quả đã đạt được trong thực hiện Chiến lược 2011-2020 và các quan điểm đã được xác định tại Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch hành động Quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, xác định quan điểm thực hiện Kế hoạch hành động TTX tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 như sau:

(1) TTX để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh

và bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải KNK để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn, góp phần thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) TTX lấy con người làm trung tâm, được thực hiện bởi con người và vì con người, khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thể hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường.

(3) Đảm bảo sự đồng bộ giữa TTX với các định hướng phát triển KT-XH của tỉnh, của vùng, của cả nước, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan và phải dựa vào thể chế và quản trị tiên tiến, khoa học công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với bối cảnh quốc tế mới và điều kiện trong nước.

(4) TTX định hướng đầu tư và huy động nguồn lực vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng thông minh và bền vững; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên; cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, tạo động lực để đầu tư tư nhân đóng vai trò then chốt trong nền kinh tế xanh.

(5) TTX là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước bền vững, phồn vinh.

2. Mục tiêu tổng quát

Phát triển các cụm ngành kinh tế quan trọng theo hướng xanh hóa; tăng cường sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng; tập trung đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực để cải thiện, giải quyết các vấn đề môi trường, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững; thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Trên cơ sở các mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược Quốc gia về TTX giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực tế phát triển của tỉnh, xác định các mục tiêu cụ thể như sau:

a) Xanh hóa các ngành kinh tế

(1) Mức giảm tiêu hao năng lượng điện để sản xuất ra một đơn vị GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 giảm 1,5 - 2,0%/năm.

(2) Tỷ lệ các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...) trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 2,5 - 3% đến năm 2030.

(3) Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP.

(4) Tỷ lệ GTSX ứng dụng công nghệ cao đối với nông nghiệp đạt 50%, thủy sản đạt 55% và lâm nghiệp đạt 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp và thủy sản được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt trên 80,0%; tỷ lệ tổng đàn chăn nuôi trang trại, chăn nuôi tập trung chiếm 80%.

(5) Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 37%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt 17.000 ha.

(6) Tỷ lệ diện tích cây trồng cạn có tưới nước được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 30%.

b) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

(7) 100% các KCN, CCN đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải.

(8) Tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90%.

(9) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định đạt 95%;

(10) Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn của thành phố Bắc Giang và các đô thị loại IV trở lên đạt 100%, các đô thị còn lại đạt 50%.

(11) Tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm công đạt ít nhất 35%.

(12) Thành phố Bắc Giang xây dựng và thực hiện Đề án tổng thể về phát triển thành phố TTX theo hướng đô thị thông minh bền vững.

c) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

(13) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,85.

(14) Hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

(15) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế đạt 92% (trong đó thành thị 100%; nông thôn 90%).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu TTX

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về TTX; chủ trì tham mưu rà soát nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp với các mục tiêu, định hướng TTX, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh; tích hợp TTX vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH các ngành, lĩnh vực theo hướng tăng cường tính liên ngành, liên vùng, thúc đẩy phát triển các ngành xanh, giảm phát thải KNK và các chất gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai, chú trọng các vùng dễ bị tổn thương.

Xây dựng và ban hành hướng dẫn nội dung lồng ghép kế hoạch hành động TTX gắn với kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm, 05 năm của các cấp, các ngành phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đặc biệt là các chỉ tiêu về sản xuất sạch, an toàn, tiêu dùng bền vững.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX và mức độ xanh hóa của nền kinh tế. Cập nhật hệ thống chỉ tiêu thống kê về TTX, bộ tiêu chí PTBV phù hợp với từng giai đoạn phát triển và điều kiện thực tế của tỉnh.

Nghiên cứu tham mưu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo tiêu chí TTX; nghiên cứu, đề xuất định hướng thu hút đầu tư, các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư cho TTX, chuyển đổi xanh.

1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; khuyến khích áp dụng các công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; áp dụng kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu chất thải phát sinh, hạn chế khai thác tài nguyên,...

1.3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu ban hành, đề xuất ban hành các chính sách về hỗ trợ áp dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, phát triển sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, chính sách hỗ trợ, bảo vệ và phát triển rừng bền vững...

1.4. Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ: Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội trong công tác giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện Kế hoạch. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện TTX, cơ chế huy động sự tham gia của các bên liên quan trong việc cung cấp thông tin, gửi báo cáo phục vụ đánh giá kết quả thực hiện TTX.

Rà soát, đánh giá các quy định hiện hành, đề xuất ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy định cho phù hợp với tình hình thực tế. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các quy định những biện pháp chế tài phù hợp, đúng thẩm quyền và tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật nói chung, đặc biệt là những vi phạm cản trở hành động TTX.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức

2.1. Sở Công Thương: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh, trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh.

2.2. Sở Thông tin Truyền thông: Chủ trì xây dựng chương trình tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò, ý nghĩa và định hướng những hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện TTX. Phổ biến hướng dẫn các thực hành tốt về lối sống xanh, hài hòa với thiên nhiên, gắn kết với các giá trị truyền thống.

Phát huy vai trò của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng trong tuyên truyền vận động và thông tin về BDKH và TTX, về lợi ích sử dụng năng lượng tiết kiệm và

hiệu quả, về giao thông công cộng, về ứng dụng năng lượng sạch và năng lượng tái tạo, nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân, cộng đồng về Chiến lược TTX.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thực hiện các chiến dịch truyền thông về TTX như: Tổ chức các “tuần lễ xanh” theo chủ đề hằng năm; các chương trình truyền thông về các khía cạnh của TTX như kinh tế tuần hoàn, lối sống xanh, tiêu dùng xanh (ủng hộ các sản phẩm dán nhãn xanh, sinh thái, giảm thiểu sử dụng chất thải, rác thải nhựa...)

2.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tham mưu tuyên truyền về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh trong cộng đồng dân cư và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.

2.4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang: Mở chuyên trang, chuyên mục định kỳ tuyên truyền, nâng cao nhận thức về TTX, PTBV, phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy TTX và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.

2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội để tuyên truyền, giáo dục về kỹ năng mềm, hình thành phong cách, ý thức sống xanh, văn minh, cống hiến và sáng tạo. Nghiên cứu, lựa chọn, lồng ghép các nội dung giảng dạy về TTX, công nghệ xanh, khai thác tài nguyên bền vững, giảm phát thải KNK... vào các cấp học, bậc học phù hợp. Xây dựng các chương trình chính khóa, ngoại khóa về TTX, ứng phó với BĐKH và PTBV cho học sinh, sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh, kể cả các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho các cán bộ trong tỉnh.

2.6. UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với các sở, ngành tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và các hộ kinh doanh về đảm bảo an toàn cho môi trường trong sản xuất kinh doanh, giảm phát thải KNK, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng. Phát động phong trào tiêu dùng tiết kiệm (trước hết là đối với nước, điện), chống lãng phí, bảo vệ và làm giàu thêm tài nguyên và của cải xã hội. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; nhận thức về BĐKH và ứng phó với BĐKH cho toàn xã hội.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh

3.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì tham mưu khuyến khích phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh, tạo việc làm xanh. Xây dựng và hoàn thiện thể chế về đào tạo nguồn nhân lực và phát triển việc làm xanh, tích hợp vào các chủ trương, chính sách việc làm.

Nghiên cứu, khảo sát, thống kê số liệu, định kỳ dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh; phổ biến, cung cấp thông tin về thị trường việc làm xanh. Tham mưu chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh.

3.2. Sở Nội vụ: Chủ trì tham mưu tổ chức đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành trong nền kinh tế xanh, ngành sản xuất xanh, kinh tế số cho đội ngũ cán bộ quản trị công, đặc biệt tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách.

3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì nâng cao năng lực, kiến thức về TTX cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tích hợp các nội dung TTX vào chương trình, hoạt động giáo dục ở các cấp học; mở rộng xây dựng mô hình trường học an toàn, xanh, sạch, thông minh.

Phối hợp với các huyện, thành phố ưu tiên đầu tư cho cơ sở vật chất trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh để phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy.

3.4. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình sức khỏe Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3.5. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

4. Nhóm giải pháp về huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho TTX

4.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì tham mưu rà soát, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, chủ động huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ mục tiêu thực hiện TTX, chuyển đổi xanh.

Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách cụ thể cho huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực cho PTBV và TTX. Thu hút các nguồn vốn vay, ODA, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế thực hiện chiến lược TTX. Nghiên cứu xây dựng chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho TTX, chuyển đổi xanh; nghiên cứu thúc đẩy đầu tư xanh theo phương thức hợp tác công - tư (PPP).

Tham mưu bố trí nguồn lực thỏa đáng để thực hiện các mục tiêu TTX, đặc biệt cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, năng lượng tái tạo. Tham mưu tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về TTX, chuyển đổi xanh.

Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo tiêu chí TTX; nghiên cứu, đề xuất định hướng thu hút đầu tư, các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư cho TTX, chuyển đổi xanh.

Tham mưu triển khai các ưu đãi, khuyến khích về đầu tư xanh (ứng dụng công nghệ mới, sạch, hiện đại, phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên; công nghệ thu hồi, tận dụng và lưu trữ các-bon...).

Tiếp tục tham mưu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án sản xuất xanh, các dự án theo

hướng kinh tế tuần hoàn. Xây dựng danh mục các dự án đầu tư xanh trọng điểm trong từng giai đoạn để thu hút đầu tư gắn với kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm.

4.2. Sở Tài chính: Tham mưu triển khai các quy định về tín dụng xanh, ngân hàng xanh, trái phiếu xanh, bảo hiểm xanh. Triển khai thực hiện các quy định về phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.

4.3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang: Hỗ trợ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững cho các doanh nghiệp; hỗ trợ tiếp cận hiệu quả, đồng bộ các nguồn tài chính công và các quỹ đầu tư quốc tế, các quỹ thúc đẩy mục tiêu TTX, PTR0, PTBV...

4.4. Các sở, ngành, địa phương: Theo chức năng, nhiệm vụ huy động các nguồn lực để thực hiện các hoạt động TTX.

5. Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

5.1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu đẩy mạnh TTX dựa trên đầu tư cho KHCN, đổi mới sáng tạo.

Thực hiện tốt việc thẩm định công nghệ các dự án đầu tư nhằm ngăn chặn, loại bỏ các công nghệ, thiết bị lạc hậu, thuộc danh mục hạn chế chuyển giao vào địa bàn tỉnh. Ưu tiên bố trí nguồn lực nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường. Nâng cao hiệu quả của các đề tài, dự án KHCN các cấp. Quản lý, sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KHCN.

Triển khai các nhiệm vụ KHCN về TTX và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, bền vững. Nhân rộng các mô hình ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo cùng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch có hiệu quả phục vụ TTX như phát triển phát thải thấp, nâng cao năng lực chống chịu, phòng chống thiên tai, công nghệ thu hồi, tận dụng và lưu trữ các-bon...

Tham mưu triển khai có hiệu quả, đồng bộ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

5.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu triển khai thực hiện các chính sách thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp theo hướng xanh; khuyến khích áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến, đáp ứng các mục tiêu TTX đối với doanh nghiệp trong các ngành sản xuất. Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

5.3. Sở Thông tin Truyền thông: Chủ trì tham mưu triển khai các chương trình chuyển đổi số nhằm mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực TTX, PTBV.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung xây dựng hạ tầng cho chuyển đổi số phục vụ TTX; tích hợp TTX vào các chương trình, kế hoạch đầu tư hạ tầng đồng bộ trong chuyển đổi số.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động TTX; hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử các cấp.

Tập trung xây dựng hạ tầng cho chuyển đổi số phục vụ cho thực hiện TTX; ứng dụng những tiến bộ về công nghệ số vào mọi hoạt động quản trị môi trường, hoạt động TTX.

5.4. Các sở, ngành, địa phương liên quan: Phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng KHCN, thực hiện các chính sách thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử nhằm thúc đẩy TTX.

6. Nhóm giải pháp về hợp tác, liên kết thực hiện TTX

6.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác đã ký kết; phối hợp với các tỉnh xây dựng các chương trình hợp tác song phương và đa phương; đề xuất xây dựng chương trình phối hợp hành động chung giữa các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ với các tỉnh trong vùng thủ đô Hà Nội. Tham mưu phối hợp chặt chẽ với tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Phú Thọ xây dựng, phát triển chuỗi liên kết khu vực động lực phát triển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Lấy việc thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương là một nhiệm vụ trọng tâm trong các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

Tham mưu tham gia các hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyển giao công nghệ thực hiện TTX; tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương để tham gia các hoạt động, các chương trình hợp tác quốc tế về TTX.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ động hợp tác về nghiên cứu, giáo dục, đào tạo, trong đó chú trọng tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu tiếp cận KHCN tiên tiến, thực hiện chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực cho ngành kinh tế xanh.

6.2. Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu tham gia các hoạt động hội nhập quốc tế, trong đó chú trọng tới hoạt động hội nhập về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, thực hiện các cam kết quốc tế về TTX mà Việt Nam đã tham gia. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tăng cường thu hút các nguồn lực quốc tế (ODA, NGO, hỗ trợ của các tổ chức, địa phương nước ngoài,...) phục vụ phát triển kinh tế gắn với ứng dụng các tiến bộ KHCN và bảo vệ môi trường.

6.3. Các sở, ngành, địa phương: Chủ động phối hợp với các địa phương giáp ranh trong việc giải quyết các vấn đề liên vùng, liên kết phát triển, hướng tới mục tiêu TTX.

7. Nhóm giải pháp về đảm bảo bình đẳng trong chuyển đổi xanh

Đây là nhóm giải pháp xuyên suốt và cần phải huy động nhiều nguồn lực thực hiện để đảm bảo cho các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là các chủ thể bị ảnh hưởng khi cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhóm yếu thế, khu vực yếu thế (phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người già, khu vực đặc biệt khó khăn) được tiếp

cận một cách bình đẳng các cơ hội, thông tin, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực, việc làm mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

7.1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án dành cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế như: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực; chính sách ưu đãi hỗ trợ tiếp cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội); việc tiếp cận các kênh thông tin lao động, việc làm, các tiến bộ KHCN và các cơ hội hưởng lợi trong TTX; việc tham gia các khóa đào tạo, nâng cao năng lực... giúp cho các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và các nhóm yếu thế được đào tạo, nâng cao năng lực để chuyển đổi sang các ngành nghề xanh, việc làm xanh.

7.2. Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế, khu vực yếu thế (phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già, khu vực đặc biệt khó khăn) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế.

Thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong các chương trình mục tiêu Quốc gia (gồm Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), trong các chương trình, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực.

8. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp tăng cường trên một số ngành, lĩnh vực chủ yếu

8.1. Năng lượng

a) Sở Công Thương: Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Tăng nguồn cung cấp điện phục vụ nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh gắn với việc bảo vệ môi trường trong phát triển và vận hành các nguồn cung cấp điện. Cải tạo và nâng cấp lưới điện hiện có; từng bước nâng cấp chất lượng lưới điện nhằm giảm tổn thất điện. Quản lý năng lượng, giảm tiêu hao điện trong sản xuất công nghiệp.

Thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xanh; tăng cường chất lượng dịch vụ điện năng trong hệ thống điện, đảm bảo khả năng vận hành linh hoạt theo điều độ hệ thống điện.

Thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và năng lượng mới nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh.

Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách của quốc gia, những vấn đề mới như các rào cản kỹ thuật, xu thế phát triển theo hướng phát thải thấp, TTX của các quốc gia trên thế giới và khu vực giúp người dân, doanh nghiệp/hợp tác xã thực hiện sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu các sản phẩm xanh ra thị trường

thế giới, đặc biệt là ở các thị trường lớn có tính dẫn dắt nền kinh tế toàn cầu như Mỹ, EU, Trung Quốc ...

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp về những cơ hội, lợi ích của việc triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững. Góp phần làm thay đổi thái độ, hành vi của người tiêu dùng về các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng đồng thời giúp cho quá trình xanh hóa sản xuất thuận lợi hơn.

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang: Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tài chính xanh, bền vững để đầu tư phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Công Thương thu hút đầu tư phát triển các nguồn lực lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió. Khuyến khích sử dụng năng lượng mặt trời trong sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt thông qua việc lắp đặt các tấm pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, góp phần nâng tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo.

8.2. Công nghiệp

a) Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hút đầu tư, phát triển các ngành sản xuất xanh mới, hạn chế phát triển các ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các CCN. Yêu cầu các CCN tạm dừng hoạt động nếu không thực hiện việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm tiêu hao năng lượng trong quá trình sản xuất; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng hiệu quả cho các tiểu ngành công nghiệp hướng đến mục tiêu TTX trong giai đoạn tới.

Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về an toàn thực phẩm lĩnh vực do ngành quản lý trên địa bàn.

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng quy hoạch chi tiết các KCN theo hướng sinh thái; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, địa phương thu hút đầu tư mới để phát triển các KCN, CCN sinh thái, làng nghề bền vững; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển các KCN, CCN, làng nghề. Nghiên cứu để định hướng chuyển đổi các KCN, CCN đã có theo hướng sinh thái, đây là giải pháp bền vững, đóng vai trò quan trọng góp phần cùng cả nước hướng tới mục tiêu PTR0 vào năm 2050.

8.3. Giao thông vận tải, logistics

a) Sở Giao thông vận tải

Tham mưu tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông vận tải theo hướng tăng cường khả năng kết nối và thúc đẩy phát triển vận tải đa

phương thức; phát triển kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh: Các dự án đầu tư hạ tầng giao thông vận tải phải được tính toán, nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH, thiên tai; đầu tư kết cấu hạ tầng logistics theo hướng xanh, đảm bảo tính đồng bộ giữa hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ logistics; phát triển đồng bộ giữa sản xuất với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics.

Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải. Phát triển giao thông công cộng, phương tiện giao thông vận tải sử dụng năng lượng sạch, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tải thực hiện đầu tư mới xe bus, xe taxi thay thế sử dụng điện, năng lượng xanh. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai đồng bộ việc ứng dụng năng lượng sạch vào hệ thống điều tiết, đảm bảo giao thông.

Tham mưu triển khai các văn bản quy định về quy chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu thụ năng lượng đối với phương tiện giao thông vận tải; thu hút đầu tư các bến xe, trạm dừng nghỉ xanh. Nghiên cứu triển khai lộ trình chuyển đổi phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện và năng lượng sạch.

Đẩy mạnh phát triển và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động giao thông vận tải, logistics hướng đến mục tiêu TTX. Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh (ITS).

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành, khai thác tại các bến xe, hệ thống kho bãi, cảng thủy nội địa, cảng cạn ICD...

b) Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các huyện, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống các trạm sạc đặt trong mối tương quan với hạ tầng lưới điện, nhất là lưới hạ thế để kết nối với các trạm sạc nhanh cho các phương tiện giao thông.

c) UBND thành phố Bắc Giang: Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông triển khai xây dựng hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh (ITS) của thành phố Bắc Giang.

Ưu tiên phát triển hệ thống vận tải công cộng đô thị với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, khai thác vận tải hành khách công cộng.

d) Các sở, ngành, địa phương liên quan:

Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các hệ thống, mạng lưới giao thông, phương tiện trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, có hiệu quả kinh tế, môi trường cao, có khả năng chống chịu với BĐKH.

8.4. Xây dựng

a) Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố khi triển khai xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị phải gắn với việc giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển đô thị theo hướng đô thị thông minh bền vững, phát thải các-bon thấp, có năng lực chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai dựa trên nền tảng công nghệ số.

Nghiên cứu triển khai thực hiện Đề án phát triển công trình xanh, công trình hiệu quả năng lượng giai đoạn 2022-2030.

Thúc đẩy phát triển các công trình xanh, công trình sử dụng năng lượng hiệu quả và có năng lực chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai, công trình phát thải các-bon thấp, công trình PTR0.

Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh, thân thiện với môi trường; tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong sản xuất vật liệu xây dựng theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu phát thải KNK và ô nhiễm môi trường.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: Tham mưu đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KHCN trong phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xanh, tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế nhằm tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

c) UBND các huyện, thành phố: Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng hạ tầng xanh, hạ tầng thông minh, có năng lực chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai như công nghệ xử lý nước thải, bùn thải đô thị, quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

Thúc đẩy đô thị hóa theo hướng thông minh bền vững, có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái. Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng không nung trong hoạt động xây dựng.

8.5. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

Tham mưu triển khai các chương trình, chính sách: Quản lý sức khỏe cây trồng; phát triển và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học; phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, áp dụng VietGAP và các quy trình tương đương; phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp; khuyến khích sử dụng nước tiết kiệm trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản... Nghiên cứu tham mưu triển khai thực hiện chính sách về chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải.

Tham mưu khuyến khích chuyển đổi phương thức sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và phân tán để hình thành vùng sản xuất quy mô lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm và các tiêu chuẩn chứng nhận, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao; áp dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt các sản phẩm nông sản có chứng nhận.

Tăng cường bảo vệ rừng tự nhiên nhằm kiểm soát mất rừng, cháy rừng, chuyển đổi rừng và suy thoái rừng tự nhiên; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát tài nguyên rừng để đảm bảo tăng cường khả năng lưu giữ và hấp thụ các-bon, dịch vụ môi trường rừng.

Phát triển và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực khác nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân.

Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về an toàn thực phẩm lĩnh vực do ngành quản lý trên địa bàn.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh ứng dụng KHCN thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản theo hướng xanh, thông minh, ứng dụng quy tắc kinh tế tuần hoàn, bền vững, có năng lực chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai, tăng cường hấp thụ và lưu giữ các-bon dựa trên hệ sinh thái ngành như các mô hình, phương thức, quy trình công nghệ thông minh, ứng dụng công nghệ cao, các công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất, chế biến, công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; áp dụng hệ thống, công cụ, tiêu chuẩn, mô hình quản lý tiên tiến ...

c) UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào phát triển rừng. Phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung theo quy hoạch, tăng diện tích rừng cây gỗ lớn; mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Đẩy mạnh trồng cây, đặc biệt là cây thân gỗ lâu năm nhằm mục đích cung cấp gỗ và nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, đồng thời tăng cường phòng hộ, bảo vệ và cải thiện cảnh quan môi trường, tăng khả năng lưu giữ và hấp thụ các-bon của rừng. Bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt đối với khu vực nhạy cảm về môi trường, phát triển dịch vụ môi trường rừng.

Xây dựng nông thôn mới phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo hướng bền vững; cập nhật các tiêu chí về nông thôn mới đáp ứng các yêu cầu về TTX; xây dựng các mô hình nhà ở, làng sinh thái, làng thông minh phù hợp với điều kiện thực tế, phong tục, tập quán, lối sống, văn hóa của từng địa phương.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các mô hình sản xuất ở nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát triển các sản phẩm OCOP xanh, du lịch nông thôn bền vững, thân thiện với môi trường.

Tăng cường tuyên truyền, chuyển đổi cơ cấu sử dụng chất đốt để giảm phát thải; khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng có khả năng tái tạo; xây dựng các khu dân cư không rác thải nhựa.

8.6. Quản lý chất thải

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục xây dựng, triển khai, cụ thể hóa các quy định, nhiệm vụ về quản

lý chất thải của tỉnh; khuyến khích lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển hóa chất thải thành tài nguyên; phối hợp với các địa phương hướng dẫn và đẩy mạnh công tác thu gom, phân loại rác thải tại nguồn.

Tăng cường quản lý chất thải thông qua việc ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyển hóa chất thải thành tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; triển khai việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn.

b) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng:

Công nghệ tái chế, tái sử dụng để xử lý như: Chất thải rắn sinh hoạt đô thị theo hướng kết hợp thu hồi năng lượng, sản xuất điện hoặc sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón sinh học; chất thải rắn sinh hoạt nông thôn theo hướng tận dụng tối đa lượng chất thải hữu cơ để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý tại các hộ gia đình thành phân bón hữu cơ, phân bón sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

Công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi làm phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, khí sinh học thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thành các nguyên liệu sản xuất, vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; chất thải rắn xây dựng thành các sản phẩm, vật liệu tái chế thân thiện với môi trường.

Công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý các loại chất thải nguy hại (chất thải y tế, chất thải điện tử, pin xe điện, tấm pin năng lượng mặt trời...).

c) Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể hóa các cơ chế, chính sách về ưu đãi, huy động nguồn lực cho thu gom, xử lý chất thải, các định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Triển khai các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải tại địa phương.

Chủ trì triển khai thu hút đầu tư các dự án khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, triển khai thực hiện các chính sách, quy định về thu gom, xử lý chất thải, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, triển khai thực hiện các công nghệ trong thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải...

Tập trung đầu tư hệ thống xử lý nước thải CCN do huyện quản lý, xử lý dứt điểm tình trạng thiếu khu xử lý nước thải tập trung; đầu tư hệ thống xử lý nước thải đô thị đồng bộ, đảm bảo đến năm 2030, 100% CCN, đô thị có hệ thống xử lý nước thải.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hệ thống xử lý nước thải đảm quy định.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện hỗ trợ xây dựng các nhà máy chế biến rác hữu cơ, chất thải chăn nuôi thành phân hữu cơ; xây dựng các

công trình xử lý nước thải sau biogas tại các khu chăn nuôi tập trung đạt tiêu chuẩn về nước thải trước khi thải ra môi trường.

8.7. Quản lý chất lượng không khí

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các địa phương tham mưu tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí; nâng cao năng lực, mở rộng mạng lưới hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng không khí xung quanh, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục; hoàn thiện, đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh, hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn thải.

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí; hoàn thiện, hiện đại hóa, mở rộng mạng lưới, hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí và khí thải, xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh.

Đầu tư nâng cấp, lắp đặt, vận hành thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và ưu tiên thực hiện đối với các nguồn khí thải lớn của các ngành công nghiệp, năng lượng; hoàn thiện hệ thống truyền số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục từ các cơ sở sản xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát thực hiện và công bố công khai thông tin phát thải chất ô nhiễm đối với các nguồn thải lớn của ngành công nghiệp, năng lượng. Ngăn ngừa và giảm thiểu phát thải các chất ô nhiễm không khí thông qua áp dụng các giải pháp đổi mới công nghệ, sản xuất sạch hơn, nhiên liệu sạch, kỹ thuật hiện có tốt nhất.

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-zôn, Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK.

b) Sở Công Thương: Chủ trì, nghiên cứu triển khai chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng cải tiến và đổi mới công nghệ (quy trình và thiết bị sản xuất, sử dụng nhiên liệu sạch, hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí theo quy định; khuyến khích sử dụng các công nghệ, thiết bị xử lý khí thải kết hợp thu hồi năng lượng nhiệt...).

c) Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng không khí; xây dựng các trạm quan trắc khí thải tự động, giám sát các nguồn thải tại địa phương.

Phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải KNK và bảo vệ tầng ô-dôn, Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK.

8.8. Quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, đa dạng sinh học

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, tham mưu việc áp dụng các cơ chế, chính sách về

sử dụng nước tiết kiệm, tuần hoàn nước, đảm bảo an ninh tài nguyên nước và bình đẳng giữa các đối tượng sử dụng nước, trong đó, tập trung vào việc thu hút đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tuần hoàn nước, tái sử dụng nước thải; quản lý nước thải từ sinh hoạt và sản xuất, kiểm soát hoạt động xả nước thải vào nguồn nước, cải thiện môi trường nước lưu vực sông; hoàn thiện cơ chế, chính sách trữ nước và cấp nước sinh hoạt.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước (trữ lượng nước, khai thác, sử dụng nước), xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước; nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai và kịch bản BĐKH cập nhật.

Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; khắc phục tình trạng suy thoái đất và hoang mạc hóa; xử lý, phục hồi ô nhiễm hóa chất tồn lưu trong đất. Tham mưu phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.

Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn chặn sự suy thoái hệ sinh thái và đa dạng sinh học, phục hồi, bảo tồn và sử dụng hiệu quả đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái nhằm góp phần phát triển bền vững KT-XH, chủ động ứng phó với BĐKH.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì nghiên cứu việc đầu tư xây dựng các công trình chuyển nước, trữ nước, cấp nước sinh hoạt, cân đối nguồn nước ngọt, đặc biệt là các khu vực thường xuyên xảy ra tình trạng hạn hán. Nghiên cứu việc xây dựng và kết nối hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn.

Tham mưu phát triển và hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi, đề điều và phòng chống thiên tai theo Quy hoạch phát triển thủy lợi của tỉnh; sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi; đề điều và phòng chống thiên tai; đặc biệt quan tâm đến các đập, hồ chứa nước có nguy cơ rủi ro cao; đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực.

Phối hợp với các ngành, địa phương liên quan hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, đô thị, xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân; thi công các tuyến đường cứu hộ, cứu nạn; xây dựng cụm dân cư, tuyến dân cư và nhà ở cho Nhân dân vùng ngập, lụt; tham mưu xây dựng các hồ chứa nước phục vụ đa mục tiêu, công trình chuyển nước nhằm mục đích liên kết, ổn định nguồn nước và kết nối giữa các vùng.

Nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai, chủ động xây dựng các phương án hộ đề, các tình huống ứng phó khẩn cấp cho đập và vùng hạ du hồ chứa nước, nâng cấp hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo thiên tai.

c) UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên đất, tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần phát triển bền vững KT-XH, chủ động ứng phó với BĐKH.

8.9. Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững

a) Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu việc tham gia các chương trình dán nhãn năng lượng, nhãn sinh thái, nhãn xanh; nghiên cứu, triển khai nhãn các-bon, dấu vết các-bon đối với các hàng hóa sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng xanh. Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, triển khai thực hiện mua sắm xanh, dịch vụ công xanh.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân để từng bước thay đổi hành vi tiêu dùng; thực hiện tốt việc quản lý chất lượng nguồn nước, tiến tới giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm theo nguồn thải. Khuyến khích tiêu dùng theo hướng tiết kiệm, tái chế, tái sử dụng. Tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng bao bì nylon, khuyến khích hạn chế việc sử dụng bao bì nylon trong sinh hoạt và tiêu dùng, đặc biệt là đối với các siêu thị, trung tâm thương mại, hướng tới mục tiêu giảm 65% túi nylon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại vào năm, 2030 và loại bỏ hoàn toàn trong thời gian tiếp theo.

b) Sở Công Thương: Chủ trì tham mưu việc triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Từng bước xây dựng hệ thống phân phối xanh thông qua hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị nhằm thúc đẩy hoạt động quảng bá và phát triển thị trường các sản phẩm thân thiện với môi trường, phát thải các-bon thấp. Đáp ứng nhu cầu của thị trường và thỏa mãn sự quan tâm của khách hàng đối với các sản phẩm mới, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên. Từng bước thực hiện dán nhãn sinh thái, mua sắm xanh. Phát triển thị trường sản phẩm sinh thái và sáng kiến cộng đồng về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tham mưu những chính sách điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất việc tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh. Nghiên cứu đề xuất ban hành quy chế mua sắm công xanh cho chi đầu tư.

d) Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh. Nghiên cứu đề xuất ban hành quy chế công xanh cho chi thường xuyên.

8.10. Y tế

a) Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số trong ngành y tế; nghiên cứu xây dựng, hình thành và phát triển nền y tế thông minh (gồm các nội dung chính: phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh, quản trị y tế thông minh). Đề xuất triển khai thực hiện các dự án/đề án/chương trình thúc đẩy nền y tế thông minh.

Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, đề xuất các quy chuẩn, tiêu chuẩn và lộ trình triển khai cơ sở y tế xanh, bền vững, có khả năng chống chịu với BĐKH và sự cố môi trường.

Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát các hoạt động phân loại, tiêu hủy và xử lý chất thải y tế đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Thực hiện giám sát dịch bệnh, các bệnh không lây nhiễm tại các vùng dễ bị ảnh hưởng trước các tác động của BĐKH và ô nhiễm không khí đến sức khỏe; hướng dẫn về xử lý nước sạch thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu.

Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về an toàn thực phẩm lĩnh vực do ngành quản lý trên địa bàn.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ giám sát, thanh tra, kiểm tra giấy tờ, hoạt động của các cơ sở xử lý chất thải như: giấy đăng ký hoạt động, hồ sơ quan trắc môi trường... thực hiện định kỳ và thường xuyên, đảm bảo các công ty hoạt động đúng theo hướng dẫn.

c) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ xanh, sử dụng năng lượng sạch, trong xử lý chất thải y tế.

d) UBND các huyện, thành phố: Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường quản lý, giám sát các hoạt động phân loại, tiêu hủy và xử lý chất thải y tế; xử lý các cơ quan y tế không có hệ thống xử lý chất thải hoặc có nhưng xả thải trái phép hoặc xả chất thải không đúng tiêu chuẩn.

8.11. Du lịch

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu triển khai phương án phát triển du lịch trong Quy hoạch tỉnh, trọng tâm là thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp nông thôn, du lịch mạo hiểm đảm bảo các tiêu chí xanh, phát triển sản phẩm du lịch xanh.

Nghiên cứu việc xây dựng và áp dụng mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX tại các khu, điểm du lịch; xây dựng tiêu chí và triển khai dán nhãn du lịch xanh cho các cơ sở kinh doanh du lịch.

9. Nhóm giải pháp về ứng phó với những diễn biến phát sinh đột xuất

Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động nghiên cứu, xây dựng kế hoạch ứng phó với những diễn biến phát sinh đột xuất xảy ra (có những tác động tiêu cực đến khả năng chống chịu của nền kinh tế của tỉnh cũng như ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân, đặc biệt là các vấn đề về thiên tai, dịch bệnh, xung đột chính trị trên thế giới...) thuộc lĩnh vực, ngành, địa bàn phụ trách, để đảm bảo khi xảy ra các “cú sốc” bên ngoài, tỉnh có thể chủ động được các biện pháp ứng phó.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh về TTX do 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Trưởng ban; các thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ngành liên quan, các địa phương.

2. Phân công trách nhiệm

Trên cơ sở Kế hoạch hành động TTX của tỉnh, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động tổ chức triển khai thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, cụ thể như sau:

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo TTX của tỉnh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch hành động TTX;

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động TTX báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ; tổ chức sơ kết thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và tổng kết vào năm 2030;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố bổ sung, hoàn thiện danh mục chương trình, dự án trong từng giai đoạn cụ thể để triển khai thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động.

2.2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch thực hiện quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động TTX của tỉnh; lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào các chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm, 5 năm của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Xây dựng các chỉ tiêu TTX của ngành phù hợp với điều kiện, đặc thù phát triển của ngành, địa phương; tổ chức giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu TTX thuộc lĩnh vực, khu vực quản lý. Phân công tổ chức thực hiện, xác định cá nhân chịu trách nhiệm cụ thể. Đề xuất các chương trình, đề án, dự án, hoạt động liên quan đến TTX đang và dự kiến tiến hành;

- Định kỳ thu thập, tổng hợp thông tin về việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giám sát và đánh giá TTX của tỉnh. Kịp thời tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh những giải pháp, biện pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu TTX của tỉnh;

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, người dân về nội dung Chiến lược quốc gia về TTX và Kế hoạch hành động TTX của tỉnh và của ngành, địa phương;

- Định kỳ hàng năm, báo cáo nội dung cụ thể về tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, Kế hoạch thực hiện TTX lồng ghép trong báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; nêu rõ các vướng mắc, khó khăn và đề xuất giải pháp thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo với UBND tỉnh.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên

- Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước triển khai thực hiện Kế hoạch hành động TTX của tỉnh;

- Phối hợp tuyên truyền, vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động TTX của tỉnh và của ngành, địa phương.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được giao tại Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm điều phối việc thực hiện TTX, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện, tổng hợp thông tin, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch hành động TTX tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc phát sinh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TTX	Tăng trưởng xanh
KNK	Khí nhà kính
PTBV	Phát triển bền vững
KT - XH	Kinh tế - xã hội
BĐKH	Biến đổi khí hậu
KHCN	Khoa học công nghệ
VA	Giá trị gia tăng
GO	Giá trị sản xuất
KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
CN-XD	Công nghiệp – Xây dựng
GTSX	Giá trị sản xuất
PTR0	Phát thải ròng bằng “0”
TFP	Năng suất nhân tố tổng hợp
ICOR	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn
CSDL	Cơ sở dữ liệu